

Bản án số: 697/2024/HS-PT

Ngày: 21 - 8 - 2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Dương Anh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa trực tuyến xét xử công khai vụ án hình sự xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 281/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 603/2024/QĐXXPT-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Trần Chí T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2024/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Phiên tòa được tiến hành tại 02 điểm cầu, điểm cầu trung tâm là Phòng xử án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; điểm cầu thành phần là Phòng xử án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tại điểm cầu trung tâm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Dương Anh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành, Kiểm sát viên.

- Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định: Luật sư Trần Thanh P, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo:

Ông Nguyễn Tuấn T2 1992; địa chỉ: ấp H, xã H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Tại điểm cầu thành phần gồm có:

- Bị cáo kháng cáo:

Trần Chí T, sinh năm 1994 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hùng C và bà Ngô Tuyết V1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ 25/01/2023 cho đến nay (có mặt).

(Trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Đ2 (Công ty Đ2), địa chỉ: Lô E, J, đường D, KCN M, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702780451, ngày 13/6/2019. Vốn điều lệ 20.000.000.000 (hai mươi tỷ) đồng. Chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Quang V2, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc. Ngành nghề kinh doanh: Tư vấn, môi giới bất động sản và kinh doanh bất động sản.

Công ty Đ2 (Công ty CP Đ2), địa chỉ: Lô E, J, đường D, KCN M, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702812128, ngày 20/9/2019. Vốn điều lệ 20.000.000.000 (hai mươi tỷ) đồng; đại diện theo pháp luật là Lê Quốc V3, chức vụ: Giám đốc; Ngành nghề kinh doanh bất động sản, xây dựng...; Cổ đông sáng lập gồm: Trần Chí T, Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Tuấn T2 và Lê Quốc V3.

Công ty Đ2 do Lê Quốc V3 và Nguyễn Quang V2 thỏa thuận lập ra để hợp tác kinh doanh bất động sản, V2 là người đại diện theo pháp luật nhưng V3 là người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Khoảng

tháng 9/2019 giữa V3 và V2 xảy ra mâu thuẫn nên V2 cất giữ con dấu của Công ty Đ2 nên V3 thành lập Công ty Cổ phần Đ2 nêu trên, cho Trần Chí T, Nguyễn Tuấn T2, Nguyễn Hoàng Đ cùng góp vốn. Thực tế T, T2 và Đ không góp vốn mà chỉ làm việc theo sự chỉ đạo, điều hành của V3.

Công ty Cổ Phần Đ3 (Công ty Đ3) do Lê Quyết T3 (em trai của V3) làm Giám đốc, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702802088, ngày 21/8/2019. Vốn điều lệ 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng; các cổ đông sáng lập gồm: Lê Quyết T3, Lê Quốc V3 và Nguyễn Thành Đ1. Ngành nghề kinh doanh: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Vị trí của 02 lô đất ký hiệu Block B ô13 và Block B ô14 thuộc một trong bốn thửa đất số 98; 99; 100; 101 tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (viết tắt là thửa đất số 98; 99; 100; 101). Các thửa đất số 98; 99; 100; 101 được tách ra từ 02 thửa đất số 02, 04 tờ bản đồ 25, tọa lạc tại địa chỉ nêu trên do bà Bùi Thị H, sinh năm 1980, địa chỉ: G N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sử dụng đất trên Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 24/4/2019, bà H nhận tiền đặt cọc để bán 02 thửa đất số 02, 04 tờ bản đồ 25, tổng diện tích 32.074,7m², tọa lạc tại Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước cho ông Nguyễn Dương T4, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước. Bên mua đất yêu cầu bà H tiến hành tách thửa để ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng từng thửa đất nhỏ trong đó có 04 thửa đất 98; 99; 100; 101 liên quan đến vụ án. Quá trình mua đất của bà H, ông T4 góp vốn với ông Hồ Đình C1, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước và ông Phạm Thanh S, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Ngày 25/7/2019, bà Bùi Thị H ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng thửa đất số 98 diện tích 2.025,4m² cho ông Hồ Đình C1; chuyển nhượng thửa đất số 99 diện tích 2.222,7m² cho bà Đặng Thị Hồng T5 (vợ ông C1); chuyển nhượng thửa đất số 100 diện tích 2.036,5m² cho ông Phạm Thanh S; chuyển nhượng thửa đất số 101 diện tích 2.211,8m² cho bà Nguyễn Thị Huyền T6 (vợ ông S). Sau khi nhận chuyển nhượng, ông C1, bà T5, ông S, bà T6 tiếp tục phân lô, tách thửa mỗi thửa đất nêu trên thành 09 thửa đất nhỏ, tổng thành 36 thửa đất (từ thửa số 154 đến 189) thuộc tờ bản đồ 25. Khoảng tháng 12/2020, các ông C1, ông S và ông T4 bán 30 thửa đất (từ thửa số 154 đến 183) cho ông Lê Trọng N, sinh năm 1987, địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Việc giao dịch chuyển nhượng giữa ông N và các ông C1, ông S, ông T4 chỉ là thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản hợp đồng. Các bên thỏa thuận, khi ông N tìm được người mua đất sẽ tiến hành ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng giữa người mua đất với ông C1, bà T5, ông S hoặc bà T6.

Các ông, bà Hồ Đình C1, Phạm Thanh S, Nguyễn Thị Huyền T6, Nguyễn Dương T4, Lê Trọng N và Bùi Thị H đều xác nhận không có bất kỳ giao dịch chuyển nhượng, ủy quyền chuyển nhượng cho Công ty Đ2 và các thành viên của Công ty Đ2, Công ty Đ3 và với Lê Quyết T3 đối với 04 thửa đất 98; 99; 100; 101 tờ bản đồ 25 nêu trên.

Sở Xây dựng tỉnh B ban hành Văn bản số 1825/SXD-QLN ngày 24/7/2020 xác định: trên địa bàn xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước không có dự án “*Khu dân cư Green City*”. Từ tháng 6/2019 đến nay, Sở Xây dựng tỉnh B không tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án bất động sản nào do Công ty TNHH Đ2, địa chỉ: Số E, J đường D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương làm chủ đầu tư.

Như vậy, Công ty TNHH Đ2 hay Công ty CP Đ2 và Công ty Đ3 Hoàn toàn không có dự án “*Khu dân cư Green City*” được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép và Hoàn toàn không liên quan đến các thửa đất nêu trên.

Lê Quốc V3, Trần Chí T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn làm “*Khu dân cư G – Giai đoạn 1*”, địa chỉ: xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Nguyễn Quang V2 và Lê Quốc V3 mua đất sổ chung (chưa xác định theo lời khai của V2) dẫn đến không tách thửa được nên ông V2 yêu cầu V3 trả lại tiền. V3 chưa trả tiền mà thuyết phục ông V2 cùng góp vốn mở công ty kinh doanh bất động sản, khi làm ăn có lời V3 sẽ trả lại tiền cho ông V2 thì V2 đồng ý. Ngày 13/6/2019, do V2 có hộ khẩu tại Bình Dương nên V3 và V2 thỏa thuận để V2 đứng tên thành lập Công ty Đ2 như nêu trên. Ông V2 là người đại diện theo pháp luật nhưng không tham gia điều hành công ty, mọi việc điều hành quản lý công ty đều do V3 quyết định. Quá trình hoạt động của Công ty Đ2, V3 tuyển dụng Trần Chí T, Nguyễn Tuấn T2, Nguyễn Hoàng Đ, Vũ Đình T7, sinh năm 1990, trú tại: Khu phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương và bà Vũ Thị Thu H1 (*là vợ của V3, chưa rõ nhân thân lai lịch*) vào làm việc. V3 phân công T2 làm Phó Tổng giám đốc, T làm Giám đốc kinh doanh, Đ làm Giám đốc M2, H1 làm Kế toán trưởng, T7 làm Trưởng nhóm bán hàng thuộc Phòng kinh doanh số 1 do T quản lý. Ông V2 giao con dấu của Công ty cho Đúng quản lý theo yêu cầu của V3.

Khoảng tháng 9/2019, V3 chỉ đạo T2, T đến Công ty Đ3 để lấy bản vẽ sơ

đồ “Dự án G”. Sau đó, V3 sửa bản vẽ sơ đồ “Dự án Green City” thành Bản vẽ dự án “*Khu dân cư Green City – Giai đoạn 1*” của Công ty Đ2 và gửi photocopy thành nhiều bản ở tiệm photocopy (*không rõ địa chỉ, ở phía sau Trường Đại học B*), sau đó kêu T2 đến lấy bản vẽ về để thực hiện việc tư vấn, môi giới chuyển nhượng cho khách hàng.

Trước khi thực hiện mở bán dự án trên, tại Công ty Đ4 chỉ đạo và thống nhất với T, T2 và Đ đưa ra thông tin để triển khai cho các nhân viên kinh doanh là: dự án có pháp lý đầy đủ, đã Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đã có sổ, gần khu tiện ích (trường học, bệnh viện, trung tâm hành chính ...), yêu cầu nhân viên hứa hẹn sẽ bàn giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong vòng 30 – 60 ngày. Đồng thời thống nhất chính sách bán hàng, mua hàng như: giá bán, chiết khấu, hoa hồng của từng lô trong dự án như: trường hợp giao dịch thành công, nhân viên trực tiếp bán được hàng sẽ được 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)/lô, người phụ trách, hỗ trợ nhân viên bán được hàng được hưởng 2%/giá bán sản phẩm cùng với tư cách cổ đông được hưởng 25% lợi nhuận bán hàng; đối với khách hàng khi mua hàng sẽ được tặng 03 chỉ vàng/lô, tặng trực tiếp sau khi ký hợp đồng. Sau đó V3, T đã triển khai lại với toàn bộ nhân viên tại trụ sở Công ty Đ2 để nhân viên tìm kiếm khách hàng. Khi nhân viên gom đủ 10 khách hàng trở lên thì V3 sẽ tổ chức một kỳ mở bán (V3 đã tổ chức được 04 kỳ mở bán) “Dự án G – Giai đoạn 1”. Ngày mở bán V3 chỉ đạo thuê xe đưa khách đến địa điểm tổ chức (cách đất dự án khoảng 700m), thuê mướn vị trí, dựng rạp, kê bàn ghế ... để tiếp khách.

Theo đó, Lê Văn T8, sinh năm 1990, trú tại Tổ A, Khu phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương là nhân viên môi giới của Công ty Đ2. Sau khi được T, V3 hướng dẫn, triển khai thông tin trên và giao sơ đồ phân lô “Dự án G – Giai đoạn 1” để thực hiện việc môi giới. Thợ tìm kiếm khách hàng, đưa ra thông tin môi giới tư vấn cho ông Mã Văn M3, sinh năm 1990, trú tại đường N, khu phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương và bà Trần Thị L (mẹ vợ M3), trú tại: phường T, Quận T, thành phố Cần Thơ như những thông tin được T, V3 triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn và đưa đi xem đất tại “Dự án G – Giai đoạn 1” trong ngày mở bán.

Ngày 10/9/2019, tại trụ sở Công ty Đ2, sau khi được xem đất “Dự án G – Giai đoạn 1” và được T trực tiếp tư vấn các nội dung liên quan thì ông M3, bà L tưởng thật đồng ý chọn mua lô đất ký hiệu Block B ô13 và Block B ô14, diện tích mỗi lô 225m² tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước với giá 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng/lô, tổng là 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng. T ký Hợp đồng đặt cọc với ông M3, đồng thời T ký phiếu thu (vai trò thủ quỹ), T2 ký tên đóng dấu (vai trò giám đốc) đại diện Công ty Đ2

và T8 ký tên (vai trò nhân viên giao dịch) nhận tiền đặt cọc 100.000.000 (một trăm triệu) đồng của ông M3.

Ngày 15/9/2019, tại Công ty Đ2, V3 đứng tên hợp đồng chuyển nhượng, T đại diện ký tên, đóng dấu Công ty Đ2 trên hợp đồng với ông M3 chuyển nhượng 02 lô đất nêu trên. Theo hợp đồng, ông M3, bà L sẽ thanh toán thành 04 đợt, Công ty Đ2 cam kết trên hợp đồng là thửa đất chưa bán và không có tranh chấp nào với bên thứ ba, lập thủ tục cấp giấy chứng nhận chủ quyền sau khi Hoàn tất việc thanh toán T2 đại diện Công ty Đ2 ký tên, đóng dấu Công ty Đ2 (vai trò giám đốc), T ký tên (vai trò thủ quỹ), H1 ký tên (người lập phiếu) trên phiếu thu tiền, thu của ông M3, bà L 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng. Sau khi ký hợp đồng, giao tiền, T2 tặng bà L 06 chỉ vàng (hình 06 ông thần tài) chiết khấu.

Ngày 15/10/2019, ông M3, bà L tiếp tục thanh toán 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng theo tiến độ của hợp đồng chuyển nhượng cho Công ty Đ2. T lập, ký, đóng dấu Công ty CP Đ2 trên phiếu thu tiền và cam kết với ông M3, bà L đến tháng 12/2019 sẽ Hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Đến kỳ thanh toán lần thứ 3 tháng 11/2019, do không có tiền để thanh toán tiếp ông M3 được nhân viên Công ty Đ2 tư vấn sử dụng 02 lô đất đã ký hợp đồng nêu trên thế chấp ngân hàng vay 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng/lô để thanh toán số tiền còn lại, mọi thủ tục vay ngân hàng do Công ty L3 toàn bộ. Hứa hẹn với ông M3 sẽ giao đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 12/2019.

Đến tháng 12/2019, không thấy Công ty liên hệ để giao đất, ông M3 đến trụ sở Công ty Đ2 thì thấy đã đóng cửa và không hoạt động, Liên lạc với V3, T nhưng không liên lạc được. Ngày ngày 25/6 và 13/7/2020 ông M3 làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Quốc V3.

Số tiền 660.000.000 (sáu trăm sáu mươi triệu) đồng chiếm đoạt được của ông M3, bà L, T bàn giao cho H1, V3 để quản lý sử dụng. Công ty giao cho T trả tiền môi giới cho T8 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

* Tài liệu, chứng cứ thu giữ:

Biên bản giao nhận tài liệu lúc 16 giờ ngày 30/7/2020 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B do ông Mã Văn M3 giao nộp.

+ 03 (ba) phiếu thu tiền các ngày 10/9/2019, 15/9/2019, 15/10/2019 (bản chính).

+ 01 (một) hợp đồng đặt cọc ngày 10/9/2019 (bản chính).

+ 01 (một) hợp đồng chuyển nhượng (không đề ngày) đối với Block B, ô 13 (bản chính).

+ 01 (một) hợp đồng chuyển nhượng (không đề ngày) đối với Block B, ô 14 (bản chính).

Biên bản giao nhận tài liệu lúc 18 giờ ngày 29/11/2022 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B do ông Lê Văn T8 giao nộp. (bút lục: 624): 18 hình ảnh thể hiện: Sơ đồ phân lô “dự án khu dân cư G – Gia đoạn 1”; hình ảnh giao dịch, hình ảnh bà Nguyễn Thị L1 giao tiền đặt cọc, giao tiền thanh toán mua bán 02 lô đất ký hiệu Block B ô13 và Block B ô14 thuộc Dự án Green City tại công ty TNHH Đ2; hình ảnh bà Nguyễn Thị L1 nhận 06 (sáu) chỉ vàng chiết khấu từ ông Nguyễn Tuấn T2.

* Giám định tài liệu thu giữ:

Kết luận giám định số 67/GĐ-PC09 ngày 17/3/2021 và Kết luận giám định số 261/KL-KTHS(TL) ngày 08/6/2022 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận chữ ký, chữ viết họ tên “Trần Chí T” trên Hợp đồng đặt cọc, Hợp đồng chuyển nhượng là chữ ký, chữ viết của Trần Chí T.

Trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Trần Chí T bồi thường cho các bị hại Mã Văn M3 và bà Lê Thị L2 số tiền 610.000.000 (sáu trăm mười triệu) đồng; buộc Lê Văn T8 nộp lại số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng là tiền có nguồn gốc từ tiền thu lợi bất chính để trả cho ông Mã Văn M3 và bà Lê Thị L2.

Tại Cáo trạng số 156/CT-VKS-P1 ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Chí T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Chí T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Chí T 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/01/2023

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về trách nhiệm dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/3/2024, bị cáo Trần Chí T có đơn kháng cáo yêu cầu xin giảm nhẹ

hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Chí T giữ nguyên nội dung kháng cáo, thừa nhận hành vi phạm tội, yêu cầu xử lý hình sự Nguyễn Tuấn T2 và xem xét về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Chí T 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn nhận định sẽ xử lý hình sự đối với Nguyễn Tuấn T2 khi bắt được Lê Quốc V3. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Chí T trình bày: thống nhất về tội danh, điều khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo thống nhất với phần trình bày của người bào chữa; bị cáo không tham gia tranh luận gì thêm;

Trong lời nói sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm được đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Chí T trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Quá trình hoạt động của Công ty Đ2, V3 tuyển dụng Trần Chí T, Nguyễn Tuấn T2, Nguyễn Hoàng Đ và bà Vũ Thị Thu H1 vào làm việc. V3 phân công T2 làm Phó Tổng giám đốc, T làm Giám đốc kinh doanh, Đ làm Giám đốc M2, H1 làm Kế toán trưởng. Ông V2 giao con dấu của Công ty cho Đúng quản lý theo yêu cầu của V3.

Khoảng tháng 9/2019, V3 chỉ đạo T2, T đến Công ty Đ3 do Lê Quốc T9 em của V3 làm giám đốc để lấy bản vẽ sơ đồ “Dự án Green City”. Sau đó, V3 sửa bản vẽ sơ đồ “Dự án Green City” thành Bản vẽ dự án “*Khu dân cư Green City – Giai đoạn 1*” của Công ty Đ2 và gửi photocopy thành nhiều bản ở tiệm

photocopy (không rõ địa chỉ, ở phía sau Trường Đại học B), sau đó kêu T2 đến lấy bản vẽ về để thực hiện việc tư vấn, môi giới chuyển nhượng cho khách hàng. Tại Công ty Đ4 chỉ đạo và thống nhất với T, T2 và Đ đưa ra thông tin để triển khai cho các nhân viên kinh doanh là: dự án có pháp lý đầy đủ, đã Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đã có sổ, gần khu tiện ích (trường học, bệnh viện, trung tâm hành chính ...), yêu cầu nhân viên hứa hẹn sẽ bàn giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong vòng 30 - 60 ngày.

Đồng thời thống nhất chính sách bán hàng, mua hàng như: giá bán, chiết khấu, hoa hồng của từng lô trong dự án như: trường hợp giao dịch thành công, nhân viên trực tiếp bán được hàng sẽ được 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)/lô, người phụ trách, hỗ trợ nhân viên bán được hàng được hưởng 2%/giá bán sản phẩm cùng với tư cách cổ đông được hưởng 25% lợi nhuận bán hàng; đối với khách hàng khi mua hàng sẽ được tặng 03 chỉ vàng/lô, tặng trực tiếp sau khi ký hợp đồng. Sau đó V3, T2, T, Đ đã triển khai lại với toàn bộ nhân viên tại trụ sở Công ty Đ2 để nhân viên tìm kiếm khách hàng. Khi nhân viên gom đủ 10 khách hàng trở lên thì V3 sẽ tổ chức một kỳ mở bán (V3 đã tổ chức được 04 kỳ mở bán) “Dự án G – Giai đoạn 1”. Ngày mở bán V3 chỉ đạo thuê xe đưa khách đến địa điểm tổ chức (cách đất dự án khoảng 700m), thuê mướn vị trí, dựng rạp, kê bàn ghế ... để tiếp khách.

Theo đó, Lê Văn T8, sinh năm 1990, trú tại Tổ A, Khu phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương là nhân viên môi giới của Công ty Đ2. Sau khi được T, V3 hướng dẫn, triển khai thông tin trên và giao sơ đồ phân lô “Dự án G – Giai đoạn 1” để thực hiện việc môi giới. Thợ tìm kiếm khách hàng, đưa ra thông tin môi giới tư vấn cho ông Mã Văn M3, sinh năm 1990, trú tại đường N, khu phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương và bà Trần Thị L (mẹ vợ M3), trú tại: phường T, Quận T, thành phố Cần Thơ như những thông tin được T, V3 triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn và đưa đi xem đất tại “Dự án G – Giai đoạn 1” trong ngày mở bán.

Ngày 10/9/2019, tại trụ sở Công ty Đ2, sau khi được xem đất “Dự án G – Giai đoạn 1” và được T trực tiếp tư vấn các nội dung liên quan thì ông M3, bà L tưởng thật đồng ý chọn mua lô đất ký hiệu Block B ô13 và Block B ô14, diện tích mỗi lô 225m² tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước với giá 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng/lô, tổng là 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng. T ký Hợp đồng đặt cọc với ông M3, đồng thời T ký phiếu thu (vai trò thủ quỹ), T2 ký tên đóng dấu (vai trò giám đốc) đại diện Công ty Đ2 và T8 ký tên (vai trò nhân viên giao dịch) nhận tiền đặt cọc 100.000.000 (một trăm triệu) đồng của ông M3.

Ngày 15/9/2019, tại Công ty Đ2, V3 đứng tên hợp đồng chuyển nhượng, T

đại diện ký tên, đóng dấu Công ty Đ2 trên hợp đồng với ông M3 chuyển nhượng 02 lô đất nêu trên. Theo hợp đồng, ông M3, bà L sẽ thanh toán thành 04 đợt, Công ty Đ2 cam kết trên hợp đồng là thửa đất chưa bán và không có tranh chấp nào với bên thứ ba, lập thủ tục cấp giấy chứng nhận chủ quyền sau khi Hoàn tất việc thanh toán T2 đại diện Công ty Đ2 ký tên, đóng dấu Công ty Đ2 (vai trò giám đốc), T ký tên (vai trò thủ quỹ), H1 ký tên (người lập phiếu) trên phiếu thu tiền, thu của ông M3, bà L 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng. Sau khi ký hợp đồng, giao tiền, T2 tặng bà L 06 chỉ vàng (hình 06 ông thần tài) chiết khấu.

Ngày 15/10/2019, ông M3, bà L tiếp tục thanh toán 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng theo tiến độ của hợp đồng chuyển nhượng cho Công ty Đ2. T lập, ký, đóng dấu Công ty CP Đ2 trên phiếu thu tiền và cam kết với ông M3, bà L đến tháng 12/2019 sẽ Hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[2.2] Trong vụ án này, V3, T, T2, Đ là cổ đông sáng lập Công ty Đ2, khi ký hợp đồng và lập phiếu thu tiền của ông M3, bà L thì T ký (vai trò thủ quỹ), T2 ký tên đóng dấu (vai trò giám đốc) đại diện Công ty Đ2 và T8 ký tên (vai trò nhân viên giao dịch), Đ là người giữ con dấu của công ty và đóng dấu vào các chứng từ nói trên; sau khi thu tiền thì T đã giao toàn bộ cho Vũ Thị Thu H1 (vợ chưa cưới của V3). Lời khai của Nguyễn Tuấn T2 và Bản tường trình của T2 tại Cơ quan Điều tra ngày 29/12/2021 thể hiện T2 là người cung cấp số tài khoản ngân hàng B1 trên các Hợp đồng chuyển nhượng, T2 ký tên với vai trò giám đốc, T2 cho biết “Khi tôi và nhân viên công ty Đ5 ký tên trên các hợp đồng, 2 phiếu thu (ngày 10/9/2019 và 15/9/2019) khi giao dịch với khách hàng thì V3 nói các em cứ ký đại đi không có việc gì đâu” (BL 506-510).

Lời khai của bị cáo T thể hiện Nguyễn Tuấn T2 là người lập bản vẽ dự án G, sau đó chở T đi lấy bản vẽ; sau khi lấy được T2 là người chủ động sửa bản vẽ dự án G (BL 688-693); Đúng là người chịu trách nhiệm phát tờ rơi giới thiệu dự án và đăng quảng cáo trên facebook để giới thiệu bán đất nên dự án nói trên. Cả 3 người T2, T, Đ được V3 cho hưởng lợi nhuận 25% trên doanh số bán hàng. Trong khi đó, lời khai của Nguyễn Tuấn T2 cho rằng bản vẽ dự án do V3, T9 lập và chính V3 sửa bản vẽ dự án Green City ngày 9/6/2023 (BL 791-794). Cơ quan điều tra đã không cho T, T2 đối chất là vi phạm tố tụng.

Lời khai của ông Nguyễn Quang V2 tại Cơ quan Điều tra ngày 20/9/2021 thể hiện ông là người giao con dấu cho Nguyễn Hoàng Đ theo yêu cầu của V3. Với tư cách là người giữ con dấu Đ phải biết là người đứng tên hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng đặt cọc là Lê Quốc V3 thì khi đóng dấu Đúng phải có trách nhiệm kiểm tra kỹ rồi mới đóng dấu, nhưng khi Trần Chí T ký tên trên các hợp đồng thì Đ vẫn đóng dấu. Mặt khác lời khai của T, T2 cho biết các

phiếu thu là đóng dấu không trước, nên T2 ký tên giám đốc, T ký tên thủ quỹ, T8 ký tên là nhân viên giao dịch, Đúng biết các đối tượng trên ký tên không đúng chức danh, vị trí trong công ty mà vẫn đóng dấu.

Hành vi của Đ đã góp phần làm cho ông M3, bà L tin tưởng mới nộp tiền nhưng trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra không lấy lời khai, làm rõ vai trò của Đ là vi phạm thủ tục tố tụng, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

[2.3] Lời khai của Nguyễn Tuấn T2 (BL 794) thể hiện “Lê Quốc T9 là em ruột của Lê Quốc V3, T9 làm giám đốc Công ty Đ3 có vai trò là người hợp tác cùng bán đất dự án G...Tất cả bản vẽ dự án G...đều do ông Lê Quốc T9 cung cấp cho Công ty Đ2”, T9 là người chở V3, T2, T, Đ lên dự án.... Hồ sơ vụ án thể hiện rõ V3, T, T2, Đ sử dụng bản vẽ này để thực hiện hành vi phạm tội. Đối với đối tượng Vũ Thị Thu H1 là vợ chưa cưới của Lê Quốc V3, có vai trò là kế toán của Công ty Đ2, lời khai của T, T2, T8 cùng thể hiện sau khi nhận tiền của ông M3 thì T đã chuyển toàn bộ cho H1, đây là tình tiết quan trọng để chứng minh vai trò của H1 trong vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ không có lời khai, xác minh của Cơ quan điều tra đối với T9 và H1 là vi phạm nghiêm trọng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy trong phần nhận định, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đối với Nguyễn Tuấn T2, Vũ Thị Thu H1 (vợ của V3) quá trình điều tra xác định, T2, H1 được V3 chỉ đạo thực hiện một số công việc liên quan, hiện tại V3 đã bỏ trốn chưa bắt được, khi nào bắt được V3, tiến hành làm rõ xử lý sau là phù hợp. Đối với Nguyễn Hoàng Đ, được V3 chỉ đạo chung tại công ty, tuy nhiên không trực tiếp tham gia vào quá trình chuyển nhượng hoặc hỗ trợ tư vấn, giao dịch, ký kết hợp đồng, nhận tiền... không có lỗi gây thiệt hại cho bị hại; Lê Văn T8 là nhân viên môi giới trực tiếp thực hiện theo chỉ đạo của T, V3 không biết nguồn gốc, pháp lý thửa đất, không có lỗi gây thiệt hại cho bị hại, nên không đủ cơ sở để xử lý là không phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của Nguyễn Tuấn T2, Nguyễn Hoàng Đ, Vũ Thị Thu H1, Lê Quốc T9 có đủ yếu tố là đồng phạm có vai trò tích cực, giúp sức cho Lê Quốc V3 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Mã Văn M3 và bà Nguyễn Thị L1. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã không tiến hành lấy lời khai của Đúng, H1, T9, không cho T và T2, Đ đối chất khi có sự khác nhau về hành vi phạm tội của V3, T, T2 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

[4] Những vi phạm nói trên của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã dẫn đến việc đánh giá hành vi, hậu quả và xử lý trách nhiệm hình sự, trách

nhiệm dân sự đối với bị cáo Trần Chí T là không đúng tính chất, vai trò của từng đối tượng trong vụ án, gây bất lợi cho bị cáo T khi quyết định hình phạt và trách nhiệm dân sự.

Những vi phạm nói trên của Tòa án cấp sơ thẩm là nghiêm trọng, có dấu hiệu bỏ lọt người, lọt tội mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho các cơ quan tiến hành tố tụng sơ thẩm điều tra, truy tố và xét xử lại theo thủ tục chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Chí T.

[5] Về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm: sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên bị cáo Trần Chí T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a, c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Chí T. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2024/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương để thụ lý, giải quyết lại vụ án từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.

2. Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Chí T không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười

Dương Anh Văn

Nguyễn Đắc Minh